TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số:78/2019/QĐST - HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bố Trạch, ngày 16 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số66/2019/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 2 Ph, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn 2 Ph, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ng; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền : Ông Lê Tuấn S – Chức vụ: Tổ trưởng Tổ KH – NVTD Ng H (Theo giấy uỷ quyền số 333/NHCSBT – UQ ngày 04/5/2019).

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 08tháng 5năm 2019, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 08tháng 5năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:Chị Nguyễn T hị H và anh Hoàng Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về con chung*:Vợ chồng chị H , anh T có 03 con chung, cụ thể: Hoàng Nguyễn Như Q , sinh ngày 27/10/2010; Hoàng Nguyễn Khánh V , sinh ngày 04/11/2015 và Hoàng Nguyễn Nhật A, sinh ngày 21/11/2016. Sau khi ly hôn hai đương sự thống nhất giao con Hoàng Nguyễn Như Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con ; Giao hai con

Hoàng Nguyễn Khánh V và Hoàng Nguyễn Nhật A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi thá ng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con trưởng thành .Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* *Về tài sản chung:* Các đương sự thoả thuận phân chia.

* *Về nợ chung:* Vợ chồng chị H, anh T thống nhất còn nợ Ng H số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi trên nợ gốc, nhưng tính đến ngày 08/5/2019 các bên đã trả xong khoản tiền lãi suất theo quy định . Nay số tiền gốc còn lại các bên thoả thuận mỗi bên tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Ng H số tiền gốc 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi tương ứng trên số nợ gốc tính từ ngày 09/5/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên được Ng H chấp thuận.

Tuyên bố k ể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***** *Về án phí*: Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí , lệ phí Toà án:

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H thoả thuận chịu 150.000đ án phí ly hôn.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con : Anh Hoàng Văn T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí chia tài sản: Mỗi đương sự phải chịu 50% án phí chia tài sản, cụ thể:

+ Chị Nguyễn Thị H phải chịu [25.000.000đ x 5%] : 50% = 625.000đ (Sáu trăm, hai mươi lăm ngàn đồng). Tổng số tiền án phí chị H phải chịu là 775.000đ (Bảy trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 3.050.000đ (Ba triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA /2017/0003091 ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Bố Trạch . Chị H được nhận lại 2.275.000đ (Hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Anh Hoàng Văn T phải chịu [25.000.000đ x 5%] : 50% = 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Tổng số tiền án phí anh T phải chịu là 775.000đ (Bảy trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAQB;
- VKSND huyện Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND xã S;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng